

# TỈNH NGHỆ AN XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ HẬU PHƯƠNG, CHI VIỆN CHO CÁC CHIẾN TRƯỞNG TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1945 - 1954)

PGS, TS NGÔ ĐĂNG TRI

*Đại học Quốc gia Hà Nội*

**Tóm tắt:** Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Nghệ An là tỉnh thuộc vùng tự do Thanh-Nghệ-Tĩnh có nhiệm vụ quan trọng là xây dựng và bảo vệ địa phương thành một vùng an toàn, có sức người, sức của dồi dào làm chức năng căn cứ địa kháng chiến và chi viện cho các mặt trận. Bài viết trình bày khái quát những thành tựu, hạn chế của Đảng bộ tỉnh Nghệ An trong lãnh đạo xây dựng và bảo vệ hậu phương, chi viện cho các chiến trường và để lại những kinh nghiệm quý.

**Từ khoá:** Tỉnh Nghệ An; xây dựng, bảo vệ hậu phương; chi viện các chiến trường; kháng chiến chống thực dân Pháp

## 1. Xây dựng và bảo vệ hậu phương là nhiệm vụ trọng tâm

Lãnh đạo xây dựng hệ thống chính trị: Theo quan điểm, đường lối của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, xây dựng hậu phương của chiến tranh cách mạng là toàn diện về chính trị, kinh tế, quân sự, văn hóa, trong đó xây dựng hậu phương về chính trị là nhiệm vụ hàng đầu. Trong thực tế, ngay từ đầu và trong suốt cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Đảng bộ tỉnh Nghệ An chú trọng công tác xây dựng Đảng, ra sức xây dựng và phát triển tổ chức Đảng và đảng viên. Đầu năm 1947, Đảng bộ tỉnh Nghệ An có 2.780 đảng viên, 160 chi bộ. Từ cuối năm 1948, theo chỉ thị của Trung ương Đảng, phong trào xây dựng Đảng thành "Đảng quân chúng mạnh mẽ" lan rộng trong cả 3 Đảng bộ Thanh-Nghệ-Tĩnh. Đến tháng 3-1949, toàn Liên khu IV có 1.125 chi bộ với 30.566 đảng viên, trong đó Đảng bộ tỉnh Nghệ An có 10.259 đảng viên (tỉnh Hà Tĩnh có

9.545 đảng viên, tỉnh Thanh Hóa có 10.354 đảng viên). Cả Liên khu IV có 240 chi bộ được xếp loại "Tự động công tác" khá, thì tỉnh Nghệ An có 49 chi bộ (tỉnh Thanh Hóa: 48, tỉnh Hà Tĩnh: 99). Ở Đảng bộ tỉnh Nghệ An, có một số chi bộ trở thành chi bộ tiêu biểu cho phong trào xây dựng Đảng của Liên khu IV, như chi bộ Minh Châu (Quyển Lưu), chi bộ Mai Thọ (Nghĩa Đàn),...<sup>1</sup>. Sau khi Đảng Lao động Việt Nam ra hoạt động công khai, vai trò và uy tín của Đảng càng được nâng cao, Đảng bộ tỉnh Nghệ An có tới 50.459 đảng viên, 290 chi bộ (Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh có 46.352 đảng viên, 246 chi bộ)<sup>2</sup>. Đội ngũ đảng viên phần đông là tận tụy với nhiệm vụ, đi đầu trong mọi công việc của cuộc kháng chiến, kiến quốc, là vốn quý để bổ sung, tăng cường cho các cấp chính quyền và đoàn thể trong tỉnh, nhất là cho lực lượng vũ trang và chi viện các chiến trường.

Đi đôi với công tác xây dựng Đảng, Đảng bộ tỉnh Nghệ An thực hiện nhiều biện pháp nhằm

cùng cố bộ máy chính quyền các cấp. Theo chủ trương chung, năm 1948, Đảng bộ tỉnh Nghệ An tiến hành hợp nhất Ủy ban hành chính và Ủy ban kháng chiến thành Ủy ban kháng chiến hành chính. Đồng thời, Đảng bộ tỉnh Nghệ An cũng thực hiện tinh giản bộ máy chính quyền cấp huyện, tăng cường cán bộ và quyền hạn cho chính quyền cấp xã, xóa bỏ đơn vị cấp thôn. Cơ cấu bộ máy chính quyền được chú trọng theo hướng tăng cường tinh dân chủ nhân dân, đề cao thành phần công-nông và nữ giới. Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Nghệ An có 7 ủy viên, thành phần đa số là tiểu tư sản. Các Ủy ban kháng chiến hành chính cấp xã của tỉnh Nghệ An có 923 ủy viên (chưa kể huyện Tương Dương), trong đó có 27% là công nhân, bản cố nông, 63% trung nông, tiểu tư sản, 10% địa chủ phú nông<sup>3</sup>.

Đảng bộ tỉnh Nghệ An chủ trọng lãnh đạo củng cố, mở rộng tổ chức Mặt trận Việt Minh, Hội Liên Việt và các đoàn thể nhân dân như: Hội Công nhân cứu quốc, Hội Nông dân cứu quốc, Hội Phụ nữ cứu quốc, Hội Thanh niên cứu quốc. Đến cuối năm 1947, Hội Liên Việt tỉnh Nghệ An có tới 390.320 hội viên, đông đảo nhất là nông dân lao động. Tỉnh chung, đại đa số nhân dân Thanh-Nghệ-Tĩnh được thu hút vào các đoàn thể kháng chiến với tỷ lệ gần 50% dân số và trên 80% số cư trí (tỷ lệ tương đương của cả nước là 35% và 65%)<sup>4</sup>.

*Lãnh đạo xây dựng, phát triển kinh tế:* Đảng bộ tỉnh Nghệ An lãnh đạo quần dân tập trung phần đầu đẩy mạnh sản xuất, tiết kiệm, từng bước tiến tới cân bằng sản xuất và tiêu dùng, thu chi ngân sách và có phần đóng góp kịp thời cho các mặt trận. Sản lượng lương thực bình quân toàn tỉnh hằng năm đạt khoảng 200 kg thóc/người. Nhiều ngành nghề thủ công phục vụ dân sinh được khuyến khích phát triển như: nghề làm giấy, làm đường mía, làm muối, thuộc da, rèn đúc công cụ

sản xuất. Một số nơi có xương cán bông, nấu xà phòng, làm thuốc lá, khai thác than đá (Khe Bó). Các đập nước ở Đô Lương, Nam Đàn được tu bổ phục vụ sản xuất nông nghiệp. Kênh Nhà Lê được khơi thông phục vụ giao thông vận tải. Việc khai thác lâm thổ sản, chăn nuôi gia súc, gia cầm phổ biến trong toàn dân. Một số vùng sầm uất, “đô thị hóa” xuất hiện ở các huyện Đô Lương, Nam Đàn, Thanh Chương, Diễn Châu,...

Thực hiện khẩu hiệu “Người cây có ruộng”, Đảng bộ tỉnh Nghệ An chỉ đạo chính quyền chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương giảm tô, hiến điền, tạm cấp, tạm giao ruộng đất công, ruộng đất vắng chủ cho nông dân nghèo. Những biện pháp cách mạng ruộng đất từng phần đó đã đưa lại nhiều lợi ích thiết thực cho nông dân trong quá trình kháng chiến. Trong thời gian từ giữa tháng 4-1953 đến tháng 7-1954, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Liên khu ủy và Ủy ban kháng chiến hành chính Liên khu IV, tỉnh Nghệ An đã tiến hành 5 đợt triệt để giảm tô, giảm tức đưa lại nhiều lợi ích kinh tế và cổ vũ tinh thần kháng chiến của các tầng lớp nhân dân, nhất là nông dân lao động, thúc đẩy phong trào chi viện sức người, sức của to lớn phục vụ cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954 và chiến dịch Điện Biên Phủ.

*Lãnh đạo phát triển văn hóa, xã hội:* Là địa phương có truyền thống hiếu học, coi trọng văn hóa, sau ngày kháng chiến toàn quốc bùng nổ, các hoạt động văn hóa, y tế, giáo dục của tỉnh Nghệ An có sự xáo động, song sớm được khắc phục và tiếp tục phát triển. Năm học 1947-1948, toàn tỉnh Nghệ An trung bình mỗi xã có một trường tiểu học (178 trường/189 xã). Đến tháng 5-1949, tỉnh Nghệ An có 6 huyện: Quỳnh Lưu, Diễn Châu, Nghi Lộc, Hưng Nguyên, Nam Đàn, Thanh Chương thanh toán xong nạn mù chữ cho nhân dân và 2 huyện Yên Thành và Anh Sơn đang được tỉnh xem xét công nhận xóa nạn mù chữ cấp huyện. Ngoài ra,

tin còn có một lớp toán học đại cương cho một số giáo viên trung học và một số sinh viên dự bị đại học do Giáo sư Nguyễn Thúc Hào phụ trách.

Cuối năm 1948, Ty Y tế Nghệ An có 89 nhân viên và 3 y sĩ, 1 bệnh viện, 18 bệnh xá, nhà hộ sinh. Hầu hết các huyện đều có phòng phát thuốc và mở được các lớp huấn luyện nữ hộ sinh cho các xã. Công tác nuôi dưỡng thương binh và giúp đỡ các gia đình chiến sĩ trận vong, giúp đỡ cán bộ, nhân dân sơ tán, tản cư được coi trọng.

Phong trào văn hóa, văn nghệ được phát triển sâu rộng. Báo chí ở tỉnh Nghệ An, năm 1948, ngoài tờ Truyền Thanh của Ty Thông tin tỉnh, còn có nhiều báo chí của Liên khu và các tỉnh bạn được lưu hành như báo *Cờ Quốc* (của Việt Minh Khu IV), *Kháng Chiến* (của Ủy ban kháng chiến hành chính Khu IV), *Chiến Sĩ* (của Vệ quốc Đoàn Khu IV),... Nhiều sáng tác có ý nghĩa tư tưởng cao như "Bài ca vỡ đất" của Hoàng Trung Thông, "Thăm lúa" của Trần Hữu Thung, "Đêm nay Bác không ngủ" của Minh Huệ,... được phổ biến trong cán bộ, bộ đội, nhân dân. Tinh đoàn kết quốc tế Việt - Miên - Lào, Việt - Trung - Xô được đề cao.

*Lãnh đạo xây dựng lực lượng quân sự và bảo vệ địa bàn:* Đảng bộ, quân dân tỉnh Nghệ An không ngừng đề cao cảnh giác, coi trọng công tác quân sự, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng thể trận chiến tranh nhân dân, phòng vệ địa bàn, nhất là vùng Vinh, Bến Thủy, Cửa Lò, Cửa Hội nhằm thể hiện quyết tâm kháng chiến chống thực dân Pháp với tinh thần "Thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ".

Năm 1947, tỉnh Nghệ An gấp rút xây dựng lực lượng vũ trang địa phương và thành lập các mặt trận bộ phòng. Tháng 5-1947, tỉnh Nghệ An có 4.000 dân quân, tháng 11-1947 tăng lên 11.417 người (tăng gần gấp 3 lần); tự vệ từ 30.000 người, tăng lên 76.768 người (tăng gấp 2.5 lần).

Ngoài ra, tỉnh Nghệ An còn đón tiếp và thu nhận một đại đội và hai trung đội gồm 190 cán bộ, chiến sĩ do Việt kiều ở Thái Lan và Lào tổ chức xây dựng, trang bị vũ khí đầy đủ, cử về tham gia kháng chiến<sup>4</sup>.

Năm 1949, đầu năm 1950, phong trào giúp đỡ dân quân và bộ đội địa phương ở tỉnh Nghệ An phát triển rộng rãi, sôi nổi. Được sự giúp đỡ "đỡ đầu" của các cơ quan, đơn vị, địa phương, phong trào "Đại hội tập" (hội thao luyện tập võ thuật, bắn súng, ném lựu đạn, chạy vũ trang,...) của các lực lượng vũ trang địa phương trong toàn tỉnh Nghệ An diễn ra hết sức sôi nổi. Đến tháng 12-1949, lực lượng dân quân toàn tỉnh tăng gấp hơn 2 lần, từ 166.460 người lên 378.530 người. Huyện Quỳnh Châu xây dựng được một đại đội du kích trong dân tộc Mông.

Việc sửa chữa, sản xuất, chế tạo vũ khí, trang bị cho bộ đội, dân quân được Đảng bộ, chính quyền tỉnh Nghệ An chú trọng, nhất là xây dựng các cơ công binh xưởng ở Đô Lương, Nam Đàn, Thanh Chương, Anh Sơn... Cuối năm 1947 đầu năm 1948, tỉnh Nghệ An có 13 công xưởng sản xuất vũ khí của Liên khu và của tỉnh (tỉnh Hà Tĩnh: 8, tỉnh Thanh Hóa: 9). Các công binh xưởng ở tỉnh Nghệ An sản xuất, chế tạo được các vũ khí thông thường như lựu đạn, khối nổ, súng trường và một số súng cối, súng AT, Bazôca, SKZ, bảo đảm cung cấp vũ khí cần thiết cho bộ đội, dân quân trên địa bàn tỉnh.

## 2. Chi viện cho các chiến trường lớn: Bắc Bộ, Bình-Trị-Thiên và Lào

*Chiến trường Bình-Trị-Thiên:* Từ đầu năm 1947, khi kẻ địch đánh phá ào ạt từ Huế ra Quảng Trị, Quảng Bình, theo lệnh của Khu ủy IV, tỉnh Nghệ An có Tiểu đoàn 9 thuộc Trung đoàn 57 vào tham gia chặn địch ở Huế rồi lui ra Quảng Bình, cùng Trung đoàn 103 của tỉnh Hà Tĩnh hỗ trợ quân

dân địa phương chặn quân địch ở dọc sông Gianh, giữ vững Bắc Quảng Bình, lập nên phòng tuyến Nam Đèo Ngang, bảo vệ phía Nam vùng tự do Thanh-Nghệ-Tĩnh.

Năm 1948, thực hiện chủ trương của Trung ương và Liên khu IV, tỉnh Nghệ An có nhiều đợt quyên góp lương thực ủng hộ các tỉnh Bình-Trị-Thiên. Các tiểu đoàn bộ đội địa phương của tỉnh Nghệ An tham gia tác chiến ở vùng Tróc, Tiên, Vô Thuận (Quảng Bình), vừa tiêu diệt sinh lực địch, vừa đúc rút kinh nghiệm chiến đấu, xây dựng đơn vị. Năm 1949, Trung đoàn 57 của tỉnh Nghệ An cùng Trung đoàn 103 của tỉnh Hà Tĩnh, Trung đoàn 9 của Liên khu phối hợp hoạt động mạnh ở tỉnh Quảng Bình, đánh thắng địch nhiều trận có tiếng vang lớn như trận Xuân Bò, Sen Hạ, Chập Lễ... Năm 1950, Trung đoàn 57 của tỉnh Nghệ An và Trung đoàn 103 của tỉnh Hà Tĩnh sáp nhập thành Trung đoàn 51 bộ đội chủ lực, tham gia xây dựng Đại đoàn 304 của Bộ, đứng chân ở tỉnh Thanh Hóa.

Năm 1952, Đại đoàn 325, chủ lực của Bộ được thành lập, hoạt động chủ yếu ở chiến trường Bình-Trị-Thiên với nguồn nhân lực phần lớn là con em của tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh. Trước khi bước vào cuộc tiến công chiến lược Đông-Xuân 1953-1954, Đại đoàn 325 ra huấn luyện, bổ sung quân số, vũ khí ở các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh. Sau năm 1954, tỉnh Nghệ An tổ chức đón tiếp nhiều đoàn cán bộ, chiến sĩ, nhân dân miền Nam ra tập kết. Hàng chục chuyến tàu chở hàng ngàn người đã cập bờ ở Cửa Hội, được Đảng bộ, quần dân tỉnh Nghệ An nhiệt tình đón chào và bố trí nơi ăn, chốn ở tạm thời và chuyển đến các huyện đóng quân, yên cư lập nghiệp lâu dài và xây dựng các nông trường quân đội, nông trường quốc doanh ở các huyện Nghĩa Đàn, Quỳnh Hợp,...

*Chiến trường chính Bắc Bộ:* Trong giai đoạn đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, vai

trò hậu phương của vùng tự do Thanh-Nghệ-Tĩnh nói chung, tỉnh Nghệ An nói riêng đối với chiến trường Bắc Bộ chủ yếu là đón tiếp các cơ quan, nhân dân các địa phương phía Bắc vào sơ tán, tản cư. Từ cuối năm 1948, tỉnh Nghệ An chuyển được một số hàng hóa ra các tỉnh phía Bắc, chi viện cho Liên khu X và Hòa Bình chủ yếu là gạo (1.000 tấn), muối (100 tấn), và lâm, thổ sản. Trong Chiến dịch Lê Lợi (Nam Hòa Bình), cuối năm 1949, Đảng bộ tỉnh Nghệ An chỉ đạo tập trung phục vụ bộ đội chiến đấu, phân kích quân địch tấn công đánh chiếm vùng Tây Nam Ninh Bình, Đông Bắc Thanh Hóa; tiếp đó cung cấp lương thực cho Trung đoàn 9 của Liên khu IV và Trung đoàn 209, Trung đoàn 66 đánh địch ở Nam Hòa Bình và vùng biên giới Việt Nam-Lào.

Trong cuộc tổng động viên năm 1950, vùng tự do Thanh-Nghệ-Tĩnh tuyển tân binh (4 khóa) được 30.000 người; trong đó tuyển cho Bộ Tư lệnh địa phương Liên khu IV 1.248 cán bộ, chiến sĩ, 147 cựu binh có chuyên môn, kỹ thuật, tuyển cho Trung đoàn 57 (Nghệ An), 1 Trung đội nữ làm công tác tiếp tế vận tải...<sup>6</sup> Trung đoàn 57 của tỉnh Nghệ An là lực lượng nòng cốt khi mới thành lập Đại đoàn 304 (tại tỉnh Thanh Hóa), đại đoàn chủ lực thứ hai của Quân đội nhân dân Việt Nam, có hướng tác chiến chủ yếu là chiến trường chính Bắc Bộ.

Từ năm 1951 trở đi, ngoài việc cung cấp tân binh, bổ sung cho bộ đội chủ lực và một số đơn vị bộ đội địa phương, việc huy động lương thực, thực phẩm và dân công phục vụ vận tải cho các chiến trường phía Bắc trở thành nhiệm vụ lớn, thường xuyên của vùng tự do Thanh-Nghệ-Tĩnh nói chung, của tỉnh Nghệ An nói riêng. Trong chiến dịch Hà-Nam-Ninh (Quang Trung) đầu năm 1951, tỉnh Nghệ An đã huy động 3.000 dân công mở đường ra Phù Quỳnh (Thanh Hóa), để vận chuyển lương thực cho Liên khu III, muối cho Việt Bắc.

Trong chiến dịch Hoà Bình (cuối năm 1951 đầu năm 1952), tỉnh Nghệ An huy động 28.624 dân công thường trực phục vụ chiến dịch (tỉnh Thanh Hóa 97.198 người, tỉnh Hà Tĩnh 9.602 người). Trong chiến dịch Tây Bắc (cuối năm 1952), các tỉnh Nghệ An, Thanh Hóa huy động 180.196 dân công đi vận tải lương thực, thực phẩm, vũ khí cho bộ đội (tỉnh Nghệ An: 38.596 dân công dài hạn, tỉnh Thanh Hóa: 99.897 dân công dài hạn và 41.703 dân công ngắn hạn). Số lương thực hai tỉnh Nghệ An, Thanh Hóa cung cấp cho bộ đội và dân công trong thời gian chiến dịch lên tới 20.000 tấn. Nhiều trâu, bò, lợn, gà và các loại thực phẩm khác cần thiết cho mặt trận được chu cấp đầy đủ, kịp thời?

Tháng 7-1953, Hội đồng Cung cấp mặt trận Trung ương được thành lập, do Phó Thủ tướng Phạm Văn Đồng làm Chủ tịch, chuyên lo việc huy động sức người, sức của của hậu phương cho mặt trận. Tỉnh Nghệ An là một trong ít nơi có Hội đồng cung cấp Mặt trận cấp tỉnh và cấp huyện, do Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến hành chính phụ trách.

Trong cuộc tiến công chiến lược Đông-Xuân 1953-1954 và Chiến dịch Điện Biên Phủ, vùng hậu phương Thanh-Nghệ-Tĩnh là nơi cung cấp sức người, sức của to lớn cho các mặt trận, trong đó tỉnh Nghệ An tiếp tục đồng thời chi viện cho cả 3 hướng phía Nam, phía Tây và phía Bắc. "Nhận được lệnh hỏa tốc của Chính phủ, Nghệ An phát lệnh Tổng động viên. Đứng mòng một Tết Nguyên Đán (1954), 32.000 dân công, trong đó có 2.000 dân công xe đạp thồ cùng hàng ngàn tân binh, thanh niên xung phong, công nhân kỹ thuật, quân giới đã nô nức, rầm rập lên đường ra tiền tuyến... Có gia đình cả cha, con, cháu, rể cùng ra tiền tuyến. Nhiều thiếu niên hàng hái gia nhập bộ đội, thanh niên xung phong. Nhiều cụ già cũng tham gia phục vụ chiến dịch. Dân công

hòa tuyến phải lội suối, treo dèo rất gian khổ mà có người sẵn sàng đi liền tiếp hai, ba đợt liền"<sup>9</sup>. Chiến dịch Đông-Xuân 1953-1954 và Chiến dịch Điện Biên Phủ giành được chiến thắng vẻ vang có sự đóng góp to lớn của hậu phương, trong đó có tỉnh Nghệ An.

*Chiến trường Lào:* Sau Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 thắng lợi, ở Việt Nam, Nhà nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa ra đời. Ở Lào, Chính phủ Lào độc lập được thành lập. Ngày 16-10-1945, tại Viêng Chăn (Lào), hai Nhà nước Việt Nam và Lào ký Hiệp định tương trợ Việt Nam-Lào, nhằm hợp tác giúp đỡ lẫn nhau trong việc giữ vững nền độc lập của mỗi nước. "Từ đây, liên minh hai nước, hai dân tộc được chính thức xác lập về mặt nhà nước"<sup>10</sup>.

Giai đoạn đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, việc liên lạc, quan hệ giữa các địa phương Việt Nam ở Liên khu IV và Lào đều do Trung ương trực tiếp điều hành, thông qua Phòng Ngoại vụ và Đặc phái viên của Chính phủ. Đến cuối năm 1947, Phòng Ngoại vụ được tổ chức lại thành Phòng Biên chính, đặt bên cạnh Ủy ban Kháng chiến hành chính Liên khu IV, nên việc quan hệ giữa hai bên có nhiều thuận lợi hơn. Phòng Biên chính có ngân sách riêng, chuyên chi dùng vào việc giúp đỡ, viện trợ cho cuộc kháng chiến của các địa phương Lào sát Liên khu IV<sup>10</sup>.

Việc giúp đỡ, chi viện cho cuộc kháng chiến của quân dân Lào mà tỉnh Nghệ An và các tỉnh lân cận đảm nhiệm là huấn luyện, đào tạo cán bộ, bộ đội, du kích và làm chỗ đứng chân cho các cơ quan, đơn vị của Lào, nơi sơ tán, tản cư của nhân dân Lào. Cuối năm 1947, tỉnh Nghệ An giúp nước bạn tổ chức thành công Đại hội thành lập Ủy ban Vận động độc lập Lào phương Đông (Ủy ban Giải phóng Đông Lào).

Từ năm 1948, Đảng bộ tỉnh Nghệ An chỉ đạo tăng cường các đội công tác vũ trang sang giúp bạn

Lào hoạt động gây cơ sở. Cùng với các đội Itxala của Lào, Nghệ An đã cử các đội vũ trang công tác số 6, số 812, số 912 và các đội vũ trang chính trị số 123, số 109, tiểu đoàn 364,... sang hoạt động tại Lào. Số cán bộ, bộ đội của các tỉnh Thanh-Nghệ-Tĩnh hoạt động trên đất bạn có tới 1.300 người, kể cả Đội giao thông Việt-Thái, trong đó cán bộ chuyên môn, dân vận 700 người, chiến đấu 300 người, còn lại là làm công tác khác<sup>11</sup>. Trên cơ sở phát triển kháng chiến của Lào, theo chủ trương của Liên khu IV, trong năm 1951, Đảng bộ tỉnh Nghệ An lãnh đạo tích cực phối hợp, giúp đỡ chính quyền nước bạn củng cố các đội vũ trang chuyển về hoạt động ở đồng bằng Lào, gây cơ sở trong nhân dân. Dân quân Lào được phát triển để tiến tới tổ chức thành bộ đội địa phương. Liên khu IV cũng giúp Lào đào tạo cán bộ quân sự, chính trị; phát triển binh dân học vụ; phát hành đồng bạc của Lào, củng cố bang giao Việt-Lào.

Đầu năm 1953, trong phục vụ chiến dịch Thượng Lào của liên quân Việt Nam-Lào, Trung ương đã giao cho các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An là hai địa phương chính, trực tiếp chịu trách nhiệm phục vụ chiến dịch. Từ tháng 2-1953, tỉnh Nghệ An đã huy động 72.940 dân công đi tu sửa đường số 7 sang Lào. Đoạn đường từ Đô Lương lên Mường Xén dài 170 km, được dân công sửa chữa, làm hơn 100 cầu phao, cầu tạm, lấp đắp hàng ngàn m<sup>3</sup> đất đá. Đến ngày 9-4-1953, dân công Nghệ An đã chuyển được 740 tấn gạo đến các địa điểm quy định thuộc vùng biên giới Việt-Lào, chưa kể số gạo thù lao cho dân công (2,5kg/người/ngày lúc đi có hàng và 1,5kg lúc về không có hàng) và thù lao cho thuyền tư nhân (8kg/thuyền/ngày). Ngày 20-3-1953, tỉnh Nghệ An huy động tiếp đợt dân công gánh bộ gồm 12.700 người và Tiểu đoàn 196, các đại đội 121, 123 bộ đội địa phương tinh lên đường sang Xiêng Khoảng phục vụ và trực tiếp tham gia chiến đấu trên đất Lào<sup>12</sup>.

Ngày 17-3-1953, tại đình làng Lương Sơn, xã Đãng Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, Đại đoàn 304 mở Hội nghị quân chính với sự có mặt của đồng chí Nguyễn Chí Thanh thay mặt Trung ương Đảng, Chính phủ Việt Nam và đồng chí Phumi Vôngvichit thay mặt Đảng, Chính phủ và Mặt trận Lào Itsxala. Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Nghệ An phấn khởi, tự hào được giao nhiệm vụ đóc sức người, sức của phục vụ nhiệm vụ quốc tế, bảo đảm cho chiến dịch giành thắng lợi.

Ngày 3-5-1953, chiến dịch Thượng Lào kết thúc thắng lợi. Liên quân Việt-Lào đã tiêu diệt 3 tiểu đoàn, 10 đại đội địch (bằng 1/5 lực lượng địch ở Lào). Toàn bộ tỉnh Sầm Nưa, một phần tỉnh Xiêng Khoảng và tỉnh Phôngxaly nước bạn Lào được giải phóng với trên 30 vạn dân. Trong chiến công chung đó, riêng các đơn vị vũ trang của tỉnh Nghệ An đã tham gia đánh địch 10 trận, diệt và bắt sống 103 tên địch, thu 134 khẩu súng, 5 tấn chiến lợi phẩm<sup>13</sup>. Khi chiến dịch kết thúc, Tiểu đoàn 195 của tỉnh Nghệ An tình nguyện ở lại giúp bạn củng cố vùng giải phóng Xiêng Khoảng. Từ đây, vùng căn cứ địa kháng chiến của Lào được mở rộng và liên hoàn, từ Phôngxaly xuống Xiêng Khoảng, nối liền với vùng hậu phương Thanh-Nghệ-Tĩnh của Việt Nam, tạo thuận lợi cho cuộc kháng chiến của hai nước đi tới thắng lợi to lớn.

Trong chiến dịch Trung Lào cuối năm 1953 đầu năm 1954, tỉnh Nghệ An cùng với tỉnh Hà Tĩnh và Quảng Bình được giao nhiệm vụ làm hậu phương chính, huy động nhân tài vật lực phục vụ mặt trận. Đợt 1 (15-11-1953), 1.300 thanh niên xung phong tỉnh Nghệ An nhận lệnh lên đường sang Lào làm cầu, sê đượng, vận chuyển lương thực (tỉnh Hà Tĩnh: 7.800 dân công, tỉnh Quảng Bình: 5.000 dân công). Đợt 3 (20-2-1954), tỉnh Nghệ An có 12.000 người tham gia phục vụ chiến dịch (tỉnh Hà Tĩnh: 16.000 người, tỉnh Quảng Bình: 3.000

người)<sup>14</sup>. Tổng cộng trong chiến dịch Trung-Hà Lào, Việt Nam huy động 63.200 dân công phục vụ mặt trận, trong đó Nghệ An là tỉnh đứng thứ hai với 18.600 người (nhiều nhất là tỉnh Hà Tĩnh: 28.300 người)<sup>15</sup>.

Sau khi Hiệp định Giơnevơ (1954) được kí kết, Đảng bộ tỉnh Nghệ An lãnh đạo quần dân tổ chức tiếp đón các đơn vị bộ đội Việt Nam từ Lào về tập kết và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các cơ quan, đơn vị, nhân dân nước bạn Lào sang nghỉ dưỡng và di chuyển đến khu tập kết của mình ở tỉnh Sầm Nưa. Ủy ban Giám sát quốc tế đối với Hiệp định Giơnevơ cũng đã được Đảng bộ, chính quyền tỉnh Nghệ An tạo thuận lợi khi đến Noọng Hét giám sát việc thi hành Hiệp định ở vùng biên giới Việt Nam-Lào.

### 3. Một số nhận xét và kinh nghiệm

Thắng lợi to lớn của Đảng bộ tỉnh Nghệ An trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) là lãnh đạo, tổ chức quần dân trong tỉnh xây dựng và bảo vệ địa phương thành một vùng căn cứ địa, hậu phương ngày càng vững mạnh về chính trị, kinh tế, văn hóa, quân sự. Trên cơ sở đó, Đảng bộ tỉnh lãnh đạo quần dân địa phương huy động sức người, sức của chi viện to lớn, kịp thời, có hiệu quả cùng lúc cho cả 3 chiến trường lớn là Bình-Trị-Thiên, Bắc Bộ và Lào, góp phần quan trọng đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của dân tộc Việt Nam và của nhân dân Lào đi tới thắng lợi vẻ vang.

Sau ngày kháng chiến thắng lợi, trong lần về thăm Nghệ An lần đầu tiên (6-1957), Chủ tịch Hồ Chí Minh đánh giá cao những thành tích của Đảng bộ và quần dân tỉnh Nghệ An trong kháng chiến chống thực dân Pháp. Người đã biểu dương tinh thần đoàn kết, cố gắng đóng góp cho kháng chiến của các tầng lớp nhân dân: công nhân, nông dân, trí thức, đồng bào công thương. Người khen ngợi:

“Do sự đoàn kết và cố gắng ấy mà tinh ta đã góp một phần xứng đáng, vẻ vang trong cuộc kháng chiến thắng lợi. Cả thế giới đều nghe tiếng, kính phục nhân dân ta”<sup>16</sup>.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tích đạt được, Đảng bộ tỉnh Nghệ An còn có những thiếu sót, hạn chế trong lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở địa phương. Việc chỉ đạo thực hiện tiêu thổ kháng chiến lúc chiến sự mới nổ ra, nhiều nơi còn thiếu giải thích rõ ràng cho nhân dân, kế hoạch không thông nhất, gây nên những ảnh hưởng bất lợi đến sinh hoạt về sau và gây thắc mắc trong quần chúng. Trong xây dựng hệ thống chính trị, phát triển lực lượng kháng chiến, nhiều phong trào nặng về hình thức, chất lượng không theo kịp số lượng, nhất là trong phát triển đảng viên, hội viên các đoàn thể, trong xây dựng dân quân. Việc chỉ đạo phát triển kinh tế chưa chú ý đúng mức tới mọi thành phần, mọi hình thức tư nhân, tập thể, Nhà nước; chưa toàn diện cả nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp; có biểu hiện muốn xóa bỏ kinh tế của phú nông, vội lập các hợp tác xã nông nghiệp, thủ công nghiệp khi chưa có đủ điều kiện. Trong huy động sức người, sức của phục vụ kháng chiến thường chỉ lo hoàn thành chỉ tiêu trên giao, trước mắt, ít chú ý bồi dưỡng sức dân, có lúc, có nơi huy động quá sức dân.

Từ thực tiễn lãnh đạo xây dựng và bảo vệ hậu phương, chỉ viện cho các chiến trường của Đảng bộ tỉnh Nghệ An thời kỳ 1945-1954, có thể rút ra một số kinh nghiệm như sau:

*Thứ nhất*, thường xuyên đề phòng và khắc phục hiện tượng vừa “tá” vừa hủ khuynh trong chủ trương và sự chỉ đạo thực hiện; phải quán triệt và vận dụng sáng tạo đường lối, chủ trương của Trung ương của Liên khu vào hoàn cảnh cụ thể của địa phương. Trên cơ sở đó xác định nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ hậu phương là nhiệm vụ trọng tâm, kết hợp kháng chiến với kiến quốc, ra sức

xây dựng tiềm lực mọi mặt cho kháng chiến cả về chính trị, kinh tế, quân sự, văn hóa để vừa bảo đảm yêu cầu về đất đứng chân cho cuộc kháng chiến trong và ngoài Liên khu IV, vừa có sức người, sức của đóng góp cho kháng chiến, chi viện các chiến trường bên ngoài địa bàn.

*Thứ hai*, chủ động sáng tạo tìm cách đi riêng để thực hiện nhiệm vụ. Nghệ An là tỉnh ở trung tâm của vùng tự do Thanh-Nghệ-Tĩnh, nhưng ở xa Trung ương, mọi chủ trương và cách làm về xây dựng, bảo vệ hậu phương phải được nêu cao tính chủ động, đi đầu, tự lực thực hiện có hiệu quả, như là “bồn phận” của tỉnh “vùng lõi” vùng tự do Thanh-Nghệ-Tĩnh; đồng thời chuẩn bị điều kiện cần thiết để đi lên xây dựng CNXH khi kháng chiến kết thúc, theo phương hướng chung của Đảng.

*Thứ ba*, nắm vững đặc điểm độc đáo của vùng đất Thanh-Nghệ-Tĩnh nói chung, tỉnh Nghệ An nói riêng kết hợp với các yếu tố thiên thời, địa lợi, nhân hoà để giáo dục nhân dân trong toàn tỉnh thấy được vinh dự và trách nhiệm của nhân dân vùng căn cứ địa, hậu phương của đất nước và con người nơi đây, là một nhân tố bảo đảm cho Nghệ An đứng vững và huy động được sức người, sức của chi viện cho các mặt trận ngoài địa bàn.

*Thứ tư*, giáo dục nhân dân trong toàn tỉnh phát huy truyền thống của địa phương, thấy được vinh dự và trách nhiệm của nhân dân vùng căn cứ địa, hậu phương của đất nước. Đây chính là một nhân tố bảo đảm cho Nghệ An đứng vững và huy động sức người, sức của chi viện cho các mặt trận ngoài địa bàn. Trong huy động sức người, sức của cho kháng chiến, Đảng bộ tỉnh Nghệ An chú trọng giáo dục tinh thần sẵn sàng phục vụ trong bất kỳ tình huống nào, mặt trận nào, luôn có tinh thần năng động, linh hoạt trong tổ chức huy động và vận chuyển chi viện tiền tuyến.

*Thứ năm*, nhận thức và có chính sách hậu phương sau chiến tranh hòa đáng, bao gồm cả

sự “bù đắp, khoan thư” nhằm bồi dưỡng sức dân, “ưu tiên” thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội vượt trội. Có như vậy mới tiếp tục tạo nên tiềm lực ngày càng to lớn, vững mạnh cho một vùng đất có truyền thống anh hùng, bất khuất, góp phần quyết định làm nên những chiến công oanh liệt của dân tộc Việt Nam, nhằm phát huy truyền thống đó trong hiện tại và tương lai của sự nghiệp dựng nước và giữ nước Việt Nam...

Các đặc điểm lịch sử quan trọng làm nên “cốt cách” cơ bản của Đảng bộ và quần dân tỉnh Nghệ An thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp đã giúp địa phương hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ xây dựng, bảo vệ địa bàn, chi viện sức người, sức của, động viên chính trị, tinh thần to lớn cho tiền tuyến chiến thắng. Những kinh nghiệm quý của Đảng bộ tỉnh Nghệ An thời kỳ 1945-1954 có ý nghĩa khoa học và thực tiễn lâu dài về sau, trực tiếp là cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975) cũng như cho cả công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước, hội nhập quốc tế hiện nay.

1, 3, 4, 5, 6, 7, 10, 11, 12, 13, 14, 15. Ngô Đăng Trì: *Vương tự do Thanh-Nghệ-Tĩnh trong kháng chiến chống Pháp (1946-1954)*, Nxb CTQG, H, 2001, tr. 52, 68, 58, 105, 198, 208, 227, 230, 237, 241, 244, 245

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Nghệ Tĩnh, (1925-1954)*, Nxb Nghệ - Tĩnh, Vinh, 1987, T. 1, tr. 305

8. *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Nghệ-Tĩnh (1925-1954)*, Nxb Nghệ - Tĩnh, Vinh, 1987, T. 1, tr. 330

9. Hoàng Văn Thái: *Liên minh đoàn kết chiến đấu Việt Nam-Lào-Campuchia*, Nxb Sự thật, H, 1983, tr. 15

16. *Bác Hồ với quê hương Nghệ-Tĩnh*, Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Tỉnh ủy Nghệ - Tĩnh xuất bản, Vinh, 1977, tr. 45-46.